TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-02-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Vân.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1996;

Cư trú tại: Tổ 3, ấp Đ, xã L, huyện X, tỉnh Tây Ninh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988;

Cư trú tại: Tổ 10, ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Tây Ninh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2016, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh không chăm lo kinh tế gia đình, không phụ chị lo cho các con, tình cảm vợ chồng không còn, không chăm sóc lẫn nhau, không thể hàn gắn. Chị xét thấy vợ, chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Chị và anh S chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 02/10/2017 và cháu Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2019, hiện nay các cháu đang sống cùng với anh, chị. Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận giao con chung là cháu K cho anh S nuôi, chị nuôi dưỡng cháu T; anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/12/2022 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quá trình chung sống vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị Tuyết N.

- Về con chung: Anh và chị N chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 02/10/2017 và cháu Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2019, hiện nay các cháu đang sống cùng với anh, chị. Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận giao con chung là cháu K cho anh S nuôi, chị N nuôi dưỡng cháu T, anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết N và bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 02/10/2017; giao chị Phạm Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn

Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2019; ghi nhận anh S, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N , anh S không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 03/01/2023 chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S chung sống như vợ chồng từ năm 2016 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn. Nên việc chung sống giữa chị N, anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S.

[3] Về con chung: Chị N , anh S có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Anh K , sinh ngày 02/10/2017 và cháu Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2019. Hiện hai cháu đang sống cùng chị N, anh S. Nay ly hôn chị N, anh S tự thỏa thuận giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 02/10/2017; giao chị Phạm Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2019; ghi nhận anh S, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con giữa chị N, anh S là hoàn toàn tự nguyện, do đó cần giao anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K và giao chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh S đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con. Có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng chị N, anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết N chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phạm Anh K, sinh ngày 02/10/2017; giao chị Phạm Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/8/2019. Ghi nhận anh Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị Tuyết N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Tuyết N, anh Nguyễn Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị Tuyết N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị Phạm Thị Tuyết N, anh Nguyễn Văn S không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004224, ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Phạm Thị Tuyết N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Phạm Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- PKTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (V11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Vân